

Số: 527/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 05 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án hỗ trợ về nhà ở cho người có công với cách mạng
và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09/12/2020;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về mức hỗ trợ xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở đối với người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ và tỷ lệ phân bổ vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, tỷ lệ đối ứng vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương giai đoạn 2023 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 04-KH/BCĐ ngày 22/01/2025 của Ban chỉ đạo triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Bình Phước về việc triển khai công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 06/TTr-SXD ngày 04/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án hỗ trợ về nhà ở cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh năm 2025.

Điều 2. Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Xây dựng, Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường, Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước, Chỉ huy trưởng: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Các Bộ: Xây dựng, Nội vụ, Tài chính (báo cáo);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P: KT, KGVX;
- Lưu: VT.

**T/M. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Tuệ Hiền

ĐỀ ÁN

**HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở CHO NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VÀ
THÂN NHÂN LIỆT SĨ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số **527/QĐ-UBND** ngày **05 / 3 /2025**
của UBND tỉnh Bình Phước)

I. CƠ SỞ LẬP ĐỀ ÁN

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;
- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09/12/2020;
- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;
- Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về mức hỗ trợ xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở đối với người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ và tỷ lệ phân bổ vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, tỷ lệ đối ứng vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương giai đoạn 2023-2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành;
- Công điện số 102/CĐ-TTg ngày 06/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước;
- Công văn số 5999/BXD-QLN ngày 24/10/2024 của Bộ Xây dựng về việc nghiên cứu, thiết kế một số mẫu nhà ở điển hình để triển khai hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo xóa nhà tạm, nhà dột nát;
- Công văn số 6696/BXD-QLN ngày 05/12/2024 của Bộ Xây dựng về việc triển khai thực hiện Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg;
- Công văn số 14438/BTC-NSNN 27/12/2024 của Bộ Tài chính về việc bố trí vốn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng giai đoạn 2023-2025 theo Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;
- Quyết định số 55/QĐ-BXD ngày 20/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn tiêu chí nhà tạm, nhà dột nát;
- Thông báo Kết luận số 02-TB/BCĐ ngày 17/01/2025 của Ban chỉ đạo triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Bình Phước tại phiên họp Ban Chỉ đạo triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Bình Phước lần thứ nhất;
- Kế hoạch số 04-KH/BCĐ ngày 22/01/2025 của của Ban chỉ đạo triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Bình Phước về việc triển khai công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
- Công văn số 07-CV/BCĐ ngày 28/02/2025 của Ban chỉ đạo triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Bình Phước về việc sửa đổi bổ sung một số



nội dung thực hiện tại Kế hoạch số 04-KH/BCĐ ngày 22/01/2025 của của Ban chỉ đạo triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát;

- Thông báo Kết luận số 05-TB/BCĐ ngày 22/01/2025 của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Ban Chỉ đạo tại buổi làm việc với Bí thư các huyện, thị xã, thành phố về công tác triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh;

- Thông báo Kết luận số 2776-TB/TU ngày 04/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại phiên thứ 06/2025.

- Công văn số 5491/UBND-KT ngày 26/12/2024 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

II. MỤC TIÊU

Thực hiện hỗ trợ về nhà ở cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ; cải thiện điều kiện sống cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ theo chủ trương đền ơn đáp nghĩa của Đảng và Nhà nước.

III. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Đối tượng được hỗ trợ nhà ở:

Hộ gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 99 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng hiện đang ở và có hộ khẩu thường trú tại nhà ở là nhà tạm hoặc nhà bị hư hỏng nặng (kể cả các hộ đã được hỗ trợ theo các chính sách khác trước đây, trừ những hộ gia đình đã được hỗ trợ theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở).

2. Mức hỗ trợ để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở

a) Hỗ trợ đối với trường hợp xây mới nhà ở là 100 triệu đồng/hộ. Trong đó:

- Hỗ trợ 60 triệu đồng/hộ theo Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ;

- Hỗ trợ thêm 40 triệu đồng/hộ từ nguồn vận động của Ủy ban MTTQVN tỉnh.

b) Hỗ trợ đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa nhà ở là 50 triệu đồng/hộ. Trong đó:

- Hỗ trợ 30 triệu đồng/hộ theo Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ;

- Hỗ trợ thêm 20 triệu đồng/hộ từ nguồn vận động của Ủy ban MTTQVN tỉnh.

3. Số lượng hộ gia đình người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ được hỗ trợ nhà ở:

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN PHÂN THEO
TỪNG HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2025**

STT	Huyện, thị xã và thành phố	Số lượng			Kinh phí hỗ trợ (Triệu đồng)		
		Tổng cộng	Xây mới	Sửa chữa	Tổng cộng	Xây mới	Sửa chữa
1	Đông Xoài	3	0	3	150	0	150
2	Bình Long	12	2	10	700	200	500
3	Phước Long	3	0	3	150	0	150
4	Chơn Thành	0	0	0	0	0	0
5	Đông Phú	2	0	2	100	0	100
6	Bù Đăng	36	7	29	2.150	700	1.450
7	Hớn Quản	27	6	21	1.650	600	1.050
8	Lộc Ninh	34	3	31	1.850	300	1.550
9	Bù Đốp	31	11	20	2.100	1.100	1.000
10	Bù Gia Mập	7	3	4	500	300	200
11	Phú Riềng	11	4	7	750	400	350
	Tổng cộng	166	36	130	10.100	3.600	6.500

(có danh sách chi tiết kèm theo)

4. Tổng nguồn vốn thực hiện: 10.100.000.000 đồng (Mười tỷ, một trăm triệu đồng), trong đó:

a) Ngân sách Trung ương (QĐ số 21/2024/QĐ-TTg): **6.060.000.000 đồng.**

- Xây mới: 36 hộ x 60.000.000 đồng = 2.160.000.000 đồng.

- Sửa chữa: 130 hộ x 30.000.000 đồng = 3.900.000.000 đồng.

b) Nguồn vận động thêm của tỉnh: **4.040.000.000 đồng.**

- Xây mới: 36 hộ x 40.000.000 đồng = 1.440.000.000 đồng.

- Sửa chữa: 130 hộ x 20.000.000 đồng = 2.600.000.000 đồng.

c) Ngoài nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, nguồn vận động thêm của tỉnh, tùy tình hình điều kiện thực tế, các địa phương có thể huy động các nguồn vốn hợp pháp khác (ngân sách địa phương, xã hội hóa, dòng họ) và đóng góp của hộ gia đình được hỗ trợ.

5. Tiến độ thực hiện: Hoàn thành trước ngày 30/6/2025.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương theo Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Kinh phí hỗ trợ bổ sung thêm từ nguồn vận động của tỉnh theo Thông báo Kết luận số 02-TB/BCĐ ngày 17/01/2025 và Kế hoạch số 04-KH/BCĐ ngày 22/01/2025 của Ban chỉ đạo triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Thông báo Kết luận số 2776-TB/TU ngày 04/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại phiên thứ 06/2025.

3. Các nguồn huy động hợp pháp khác (nếu có).

4. Kinh phí quản lý triển khai thực hiện Đề án từ ngân sách tỉnh (*tối đa không quá 0,5% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện chính sách*) theo điểm a khoản 7 Điều 102 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các ngành liên quan tổ chức thực hiện Đề án.

b) Thiết kế tối thiểu 03 mẫu nhà ở điển hình, giới thiệu cho các hộ gia đình tham khảo, nghiên cứu áp dụng.

c) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Đề án đảm bảo yêu cầu và tiến độ; tổng hợp và định kỳ báo cáo UBND tỉnh.

d) Tổ chức lập dự toán kinh phí quản lý triển khai thực hiện Đề án trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Sở Nội vụ

a) Hướng dẫn việc xác nhận đối tượng được hỗ trợ; thường xuyên cập nhật, tổng hợp danh sách các hộ được hỗ trợ.

b) Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát, kiểm tra, đảm bảo đúng đối tượng được hỗ trợ.

3. Sở Tài chính

a) Tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện đối với nguồn kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban MTTQVN tỉnh lập thủ tục chuyển nguồn vốn từ quỹ “Vì người nghèo” để thực hiện Đề án; thực hiện quyết toán nguồn vốn theo quy định hiện hành.

c) Tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí quản lý triển khai thực hiện Đề án.

4. **Sở Nông nghiệp và Môi trường:** Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố đề xuất giải pháp giải quyết các trường hợp còn vướng mắc về



đất đai theo thẩm quyền, kịp thời báo cáo đề xuất giải quyết đối với các trường hợp vượt thẩm quyền.

5. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức rà soát, xác định, phê duyệt đối tượng và tổ chức thực hiện Đề án đảm bảo đúng đối tượng, điều kiện thụ hưởng, thủ tục, hồ sơ theo quy định và tiến độ yêu cầu; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng trục lợi chính sách; không để xảy ra thất thoát, tiêu cực. Trực tiếp giải quyết các vấn đề phát sinh về đất ở; thủ tục đầu tư xây dựng, sửa chữa nhà ở của người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn.

b) Tổ chức, chỉ đạo các phòng ban, đơn vị có liên quan, UBND cấp xã triển khai thực hiện theo quy định tại Điều 102 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg;

c) Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ một lần vào cuối mỗi Quý gửi về Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh;

d) Tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Quyết định này trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày 30/6/2025 và gửi văn bản báo cáo tổng kết về Sở Xây dựng để tổng kết, báo cáo UBND tỉnh.

6. Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Đề án này và các văn bản hướng dẫn thực hiện có liên quan để các cơ quan, đoàn thể, nhân dân biết và giám sát việc thực hiện.

7. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Phối hợp với các cấp chính quyền và các tổ chức thành viên Mặt trận tích cực vận động các doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, các tổ chức và cá nhân ủng hộ, giúp đỡ, hỗ trợ cải thiện nhà ở đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ; đồng thời thực hiện chức năng giám sát quá trình triển khai thực hiện chính sách đảm bảo đúng mục tiêu và yêu cầu.

8. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: Đề xuất phương án đưa lực lượng về các địa phương để phối hợp việc thực hiện hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ xây dựng, sửa chữa nhà ở trong trường hợp cần thiết.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.





PHỤ LỤC
DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH NGƯỜI CÓ CÔNG CÁCH MẠNG VÀ THÂN NHÂN LIỆT SĨ KHÓ KHĂN VỀ NHÀ Ở
CẦN ĐƯỢC HỖ TRỢ ĐỂ XÂY DỰNG, SỬA CHỮA NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: **527** /QĐ-UBND ngày **05 / 3** /năm 2025 của UBND tỉnh Bình Phước)

STT	Họ và tên	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Xã, phường, thị trấn	Thứ tự ưu tiên					Nhu cầu		Ghi chú
				NCSĐ	CT	DTTS	HCKK	TXTT	Xây mới	Sửa chữa	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I	Thành phố Đồng Xoài								0	3	
1	Đặng Thị Yên	ấp 2	Xã Tiến Hưng		x					x	
2	Nguyễn Hữu Lợi	KP Phú Thanh	Phường Tân Bình		x					x	
3	Trần Thị Liễu	KP Tân Đồng I	Phường Tân Thiện		x					x	
II	Thị xã Bình Long								2	10	
4	Đỗ Hồng Thơm	KP Phú Hưng	Phường Phú Đức		x					x	
5	Nguyễn Thị Đạt	KP Phú Hoà 2	Phường Phú Đức		x					x	
6	Trần Đức Liên	ấp 17	xã Thanh Phú		x					x	
7	Lê Hồng Tư	Thanh Thịnh	Xã Thanh Lương		x				x		
8	Bùi Đức Nha	Thanh Hưng	Xã Thanh Lương		x					x	
9	Phạm Văn Ngọc	Thanh Hòa	Xã Thanh Lương		x					x	
10	Lê Văn Định	Thanh Hải	Xã Thanh Lương		x					x	
11	Đỗ Trọng An	Thanh Thiện	Xã Thanh Lương		x				x		
12	Bùi Công Điệp	Sóc Giếng	Xã Thanh Lương		x					x	
13	Nguyễn Hữu Mạnh	Thanh Tân	Xã Thanh Lương		x					x	
14	Bùi Thế Viên	Thanh Trung	Xã Thanh Lương		x					x	
15	Trần Văn Vinh	Thanh Trung	Xã Thanh Lương		x					x	
III	Thị xã Phước Long								0	3	
16	Lâm Trường Thức	KP Bình Giang 1	Phường Sơn Giang		x					x	
17	Trần Xang	Khu phố 4	Phường Thác Mơ		x					x	
18	Nguyễn Văn Cẩn	Khu phố 7	Phường Long Phước		x					x	
IV	Huyện Đồng Phú								0	2	
19	Võ Xuân Hòa	Áp Suối Nhung	Xã Tân Hưng				x			x	
20	Thị Hum	ấp 1 Đồng Tâm	Xã Đồng Tâm		x					x	



STT	Họ và tên	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Xã, phường, thị trấn	Thứ tự ưu tiên					Nhu cầu		Ghi chú
				NCSD	CT	DTTS	HCKK	TXTT	Xây mới	Sửa chữa	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
V	Huyện Bù Đăng								7	29	
21	Phạm Thị Kim Lan	Đức Hòa	Thị trấn Đức Phong							x	
22	Hồ Nội	Đức Lập	Thị trấn Đức Phong		x					x	
23	Ngô Thị Kim Chi	Hòa Đồng	Thị trấn Đức Phong		x					x	
24	Nguyễn Tất Vinh	Đức Lợi	Thị trấn Đức Phong		x					x	
25	Trần Văn Chuyển	Thôn 5	Xã Đường 10		x					x	
26	Đình Thị Mẫn	Thống Nhất	Xã Đăk Nhau		x					x	
27	Thị Phó	Đak Liên	Xã Đăk Nhau			x			x		
28	Lê Thị Ngọc Mai	Đak Liên	Xã Đăk Nhau							x	
29	Trần Văn Đoàn	Thống Nhất	Xã Đăk Nhau		x					x	
30	Nguyễn Thị Hoa	Thôn 3	xã Phước Sơn		x					x	
31	Huỳnh Dậy	Thôn 3	Xã Nghĩa Trung		x				x		
32	Trương Qua	Thôn 2	Xã Nghĩa Trung		x					x	
33	Điêu Lóp	Thôn 8	Xã Nghĩa Trung		x					x	
34	Tô Duy Vân	Thôn 2	Xã Đăng Hà		x					x	
35	Trần Thị Thìn	Thôn 4	Xã Đăng Hà		x				x		
36	Nông Tâm Hải	Thôn 4	Xã Đăng Hà			x				x	
37	Bùi Văn Lờ	Thôn 4	Xã Đăng Hà		x					x	
38	Lý Văn Vinh	Thôn 8	Xã Thống Nhất		x				x		
39	Hoàng Ngọc Định	Thôn 12	Xã Thống Nhất		x				x		
40	Lý Kiều Oanh	Thôn 1	Xã Thống Nhất		x				x		
41	Điêu Thị Cha Ranh	Thôn 12	Xã Thống Nhất		x					x	
42	Trương Quốc Trừ	thôn 5	Xã Đức Liễu		x					x	
43	Lê Văn Ưông	Thôn 3	Xã Đức Liễu		x					x	
44	Võ Văn Sáu	Thôn 2	Xã Đức Liễu		x					x	
45	Nguyễn Hữu Ái	Thôn 9	Xã Đức Liễu		x					x	
46	Lê Tiến Dũng	Sơn Lợi	Xã Thọ Sơn		x					x	
47	Vũ Đình Luật	Sơn Hiệp	Xã Thọ Sơn		x					x	



STT	Họ và tên	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Xã, phường, thị trấn	Thứ tự ưu tiên					Nhu cầu		Ghi chú
				NCSĐ	CT	DTTS	HCKK	TXTT	Xây mới	Sửa chữa	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
48	Nguyễn Văn Bưởi	Sơn Thọ	Xã Thọ Sơn		x					x	
49	Lê Đình Tư	Sơn Lợi	Xã Thọ Sơn		x					x	
50	Nhữ Văn Vịnh	Sơn Lợi	Xã Thọ Sơn		x					x	
51	Diệp Thanh Quyền	Thôn 4	Xã Bom Bo		x				x		
52	Hoàng Thị Siêu	Thôn 3	Xã Bom Bo		x					x	
53	Vũ Hồng Cương	Bình Thọ	Xã Nghĩa Bình		x					x	
54	Thới Tài Toàn	Bình Hòa	Xã Nghĩa Bình		x					x	
55	Trần Thị Hoa	Bình Minh	Xã Nghĩa Bình		x					x	
56	Trần Văn Thông	Thôn 6	Xã Đoàn Kết		x					x	
VI	Huyện Hớn Quản								6	21	
57	Đặng Công Thanh	Ấp 1A	Xã Minh Đức		x					x	
58	Nguyễn Thị Luyến	KP6	Thị trấn Tân Khai		x					x	
59	Nguyễn Thị Gái	ấp Tào Ô	Tân Khai		x				x		
60	Nguyễn Phú Linh	KP1	Thị trấn Tân Khai		x					x	
61	Nguyễn Thị Đào	ấp Chà Là	Xã Thanh Bình		x					x	
62	Võ Văn Nguyên	ấp Tân Lập	Xã Tân Hiệp		x					x	
63	Nguyễn Văn Cầu	ấp 4	Xã Minh Tâm		x					x	
64	Phạm Đình Hoàng	ấp Sờ Xiêm	Xã Tân Hưng		x					x	
65	Trần Ngọc Anh	ấp Hưng Phát	Xã Tân Hưng		x					x	
66	Nguyễn Trọng Nhi	ấp 4	Xã Tân Quan		x					x	
67	Vũ Tâm	ấp 4	Xã Tân Quan		x					x	
68	Nguyễn Thị Bé	ấp 4	Xã Tân Quan		x					x	
69	Trần Bình Kha	Ruộng 1	Xã Tân Quan		x				x		
70	Mai Thanh Sơn	ấp Sóc Trào A	Xã Tân Lợi		x					x	
71	Lê Như Tần	Ấp Thuận An	Xã Thanh An		x				x		
72	Điêu Cương	Ấp 4	Xã An Khương		x					x	
73	Phạm Thị Ôn	Ấp 5	Xã An Khương		x				x		
74	Nguyễn Văn Dũng	Xa Trạch sóc	Xã Phước An		x					x	

STT	Họ và tên	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Xã, phường, thị trấn	Thứ tự ưu tiên					Nhu cầu		Ghi chú
				NCSD	CT	DTTS	HCKK	TXTT	Xây mới	Sửa chữa	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
75	Vũ Xuân Nhập	Trường An	Xã Phước An		x					x	
76	Nguyễn Thị Đông	Trường An	Xã Phước An		x					x	
77	Nguyễn Đăng Thử	Ấp 1	Xã An Khương		x				x		
78	Trần Văn Lắc	ấp Sóc 5	Minh Tâm		x					x	
79	Nguyễn Xuân Sáng	ấp Hưng Yên	Tân Hưng		x					x	
80	Trần Văn Đô	ấp Hưng Phát	Tân Hưng		x				x		
81	Hoàng Thị Nhánh	ấp Quảng Lợi A	Tân Lợi		x					x	
82	Nguyễn Ngọc Tuấn	ấp Ân Lợi	Tân Lợi		x					x	
83	Dương Văn Đi	ấp Núi Gió	Tân Lợi		x					x	
VII	Huyện Lộc Ninh								3	31	
84	Đỗ Thị Lan	ấp 5	Xã Lộc Thái		x				x		
85	Phạm Văn Tấn	ấp 4A	Xã Lộc Tấn		x					x	
86	Đỗ Đình Ba	ấp Bù Nôm	Xã Lộc Phú		x					x	
87	Khúc Văn Hợi	ấp Thắng Lợi	Xã Lộc Phú		x					x	
88	Đỗ Ngọc Song	Ấp Tân Hai	Xã Lộc Phú		x					x	
89	Nguyễn Văn Măng	ấp Hiệp Thành	Xã Lộc Hiệp		x				x		
90	Nguyễn Văn Tranh	ấp Hiệp Hòa	Xã Lộc Hiệp				x			x	
91	Đặng Thị Lan	ấp Hưng Thủy	Xã Lộc Thịnh		x					x	
92	Phạm Xuân Khê	ấp Hưng Thủy	Xã Lộc Thịnh		x					x	
93	Hoàng Xuân Thiêm	ấp 11B	Xã Lộc Thiện		x					x	
94	Trần Văn Cường	ấp K54	Xã Lộc Thiện		x					x	
95	Hứa Đức Lang	ấp 11B	Xã Lộc Thiện		x					x	
96	Nguyễn Thị Lan	ấp 11B	Xã Lộc Thiện		x					x	
97	Lê Thị Tiến	ấp 1	Xã Lộc Thiện		x					x	
98	Vũ Đức Vọng	ấp 11A	Xã Lộc Thiện		x					x	
99	Vũ Trọng Đông	ấp 1	Xã Lộc Thiện		x					x	
100	Nguyễn Khải Hoàn	ấp 10	Xã Lộc Thiện		x					x	
101	Nguyễn Thị Sự	ấp 10	Xã Lộc Thiện		x					x	

STT	Họ và tên	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Xã, phường, thị trấn	Thứ tự ưu tiên					Nhu cầu		Ghi chú
				NCSĐ	CT	DTTS	HCKK	TXTT	Xây mới	Sửa chữa	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
129	Nguyễn Thành Cừ	Thanh Hòa	Xã Thanh Hòa		x					x	
130	Phạm Văn Kha	Thanh Hòa	Xã Thanh Hòa		x					x	
131	Trần Văn Yên	Thanh Hòa	Xã Thanh Hòa		x				x		
132	Nguyễn Văn Thanh	Thanh Hòa	Xã Thanh Hòa		x					x	
133	Phạm Văn Gần	Thanh Bình	Xã Thanh Bình		x					x	
134	Phạm Văn Phép	Thanh Bình	Xã Thanh Bình		x					x	
135	Đặng Thị Cẩn	Thanh Bình	Xã Thanh Bình		x					x	
136	Hoàng Văn Sơn	Phước Thiện	Xã Phước Thiện		x					x	
137	Trần Minh Hoàng	Phước Thiện	Xã Phước Thiện		x					x	
138	Lò Thị Lún	Phước Thiện	Xã Phước Thiện		x				x		
139	Lê Văn Đồi	Phước Thiện	Xã Phước Thiện		x				x		
140	Hồ Đoàn Hùng	Thiện Hưng	Xã Thiện Hưng						x		
141	Trần Văn Phụng	Thiện Hưng	Xã Thiện Hưng		x				x		
142	Nguyễn Quyết Thắng	Thiện Hưng	Xã Thiện Hưng						x		
143	Trần Xuân Nam	Thiện Hưng	Xã Thiện Hưng		x					x	
144	Phan Quốc Kỳ	Thiện Hưng	Xã Thiện Hưng		x				x		
145	Trần Như Tiêu	Thiện Hưng	Xã Thiện Hưng		x				x		
146	Nguyễn Thị Đóm	Tân Thành	Xã Tân Thành		x				x		
147	Võ Trung Trục	Hưng Phước	xã Hưng Phước		x					x	
148	Phan Thị Tô	Hưng Phước	xã Hưng Phước		x					x	
IX	Huyện Bù Gia Mập								3	4	
149	Tạ Trọng Hào	Thôn Đăk Khâu	Xã Phú Văn		x				x		
150	Trần Thị Dò	Thôn 1	Xã Phú Văn		x				x		
151	Võ Mót	Thôn 1	Xã Bình Thắng		x				x		
152	Nguyễn Xuân Điềm	Thôn 6b	Xã Bình Thắng		x					x	
153	Trần Hữu Thành	Thôn 5	Xã Đa Kìa		x					x	
154	Trần Thị Sỏ	Thôn 3	Xã Đa Kìa		x					x	
155	Nguyễn Duy Đăng	Thôn Bù Xia	Xã Đạk Ớ		x					x	

STT	Họ và tên	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Xã, phường, thị trấn	Thứ tự ưu tiên					Nhu cầu		Ghi chú
				NCSĐ	CT	DTTS	HCKK	TXTT	Xây mới	Sửa chữa	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
X	Huyện Phú Riềng								4	7	
156	Nguyễn Thị Lén	Phú Tiến	Xã Phú Trung		x				x		
157	Lê Thị Liên		Xã Phú Riềng		x					x	
158	Vương Ngọc Doanh	Thôn 8	Xã Long Hưng		x					x	
159	Lương Quý Thúy	Thôn 10	Xã Long Hưng		x					x	
160	Phạm Xuân Thanh	Thôn 10	Xã Long Hưng		x					x	
161	Đặng Tấn Phát	Thôn 5A	Xã Long Hà		x					x	
162	Nguyễn Văn Hải	Thôn 11	Xã Long Hà		x					x	
163	Hoàng Thị Mua	Tân Phú	Xã Bù Nho		x					x	
164	Mai Văn Hóa	Thôn 2	Xã Long Tân		x				x		
165	Tổng Đăng Mão	Thôn 3	Xã Long Tân		x				x		
166	Đỗ Xuân Đào	Thôn 1	Xã Long Tân		x				x		
Tổng cộng									36	130	

Trong đó, các ký tự viết tắt bao gồm:

P

- CT: Hộ gia đình mà người có công cao tuổi
- DTTS: Hộ gia đình người có công là dân tộc thiểu số
- HCKK: Hộ gia đình người có công có hoàn cảnh khó khăn
- TXTT: Hộ gia đình người có công thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai

Lưu ý: Đối với cột thứ tự ưu tiên chỉ lấy đối tượng có ưu tiên cao nhất